

Số: 5621960

	TOWNER E V2.6-2S	FRONTIER K200SD 4WD - Thùng kín - Inox 430
Giá niêm yết:	489.000.000đ	523.400.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	4.500 x 1.690 x 2.000 mm	4.780 x 1.825 x 2.265 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	2.620 x 1.505 x 1.340 mm (5.28 m³)	1.750 x 1.670 x 1.400 mm (4,09 m³)
Chiều dài cơ sở	2.930 mm	2.415 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.442/ 1.455 mm	1.490 / 1.340 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1.510 kg	2.155 kg
Khối lượng chở cho phép	945 kg	950 kg
Khối lượng toàn bộ	2.585 kg	3.495 kg
Số chỗ ngồi	02	6
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	INOVANCE - TZ180XS146	HYUNDAI – D4CB
Loại động cơ	Động cơ điện - Pin CATL Lithium - Dung lượng pin 41.86 kWh - Quãng đường di chuyển 1 lần sạc 300km - Định mức sạc 2C - Thời gian sạc nhanh DC (20% → 80%) 18 phút	Diesel, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng, tăng áp,phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU)
Dung tích xi lanh	-	2.497 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	75 kW/rpm	130 / 3.800 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	180 Nm/rpm	255 / 1.500~3.500 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	-	01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không
Hộp số	-	HYUNDAI DYMOS M6AR1 (06 số tiến, 01 số lùi)
Tỷ số truyền	-	ih1=4,271; ih2=2,248; ih3=1,364; ih4=1,000; ih5= 0,823; ih6= 0,676; iR=3,814
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Trước đĩa, sau tang trống, Thủy lực, trợ lực chân không, có ABS, EBD / Phanh tay điện tử (EPB)	Thủy lực, Trước đĩa/Sau tang trống, trợ lực chân không
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực	Độc lập, thanh xoắn, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	195/70R15C	195R15C
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	27.9 %	65,2 %
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	6.2 m	6 m
Tốc độ tối đa	115 km/h	110 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	-	60 lít
HỆ THỐNG LÁI:		

Hệ thống lái

Bánh răng – Thanh răng, cơ khí, trợ lực
điện

Thanh răng – bánh răng, trợ lực thủy lực